

I. VAI TRÒ VÀ THỰC TRẠNG CỦA VỐN TRONG NƯỚC

Các nhà kinh tế cho rằng muốn tăng trưởng nhanh và bền vững thì phải quản lý tốt kinh tế vĩ mô, nghĩa là đạt được sự cân đối trong 3 lĩnh vực: cân đối về thu chi ngân sách; cân đối giữa đầu tư và tích lũy; cân đối về ngoại tệ, tức cân đối trong tài khoản vãng lai. Cả 3 lĩnh vực trên đều liên quan đến vốn. Điều đó nói lên vai trò của vốn đối với sự phát triển là như thế nào.

Vốn nói chung, bao gồm vốn hiện vật như: máy móc, thiết bị, nhà xưởng, kho tàng, đất đai... và vốn tài chính. Bài viết này chủ yếu đề cập đến vốn tài chính.

Lí thuyết cũng như thực tiễn phát triển kinh tế ở các nước đều minh chứng mối quan hệ tương hỗ giữa lượng vốn đầu tư mới và tăng trưởng kinh tế. Vì vậy chiến lược về vốn (bao gồm tích lũy, huy động, phân phối, lựa chọn

có chính sách, cơ chế khai thác, sử dụng có hiệu quả tiềm năng của nền kinh tế đất nước và thu hút tốt vốn nước ngoài.

Theo kế hoạch, để đáp ứng nhu cầu lượng vốn như trên đến năm 2000 thì tỷ lệ huy động vốn trong nước và ngoài nước là 1:1. Tỷ lệ này sẽ thay đổi cùng với sự tăng trưởng và tăng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Là nước "đói" vốn, không ai phủ nhận vai trò của vốn nước ngoài đối với sự phát triển kinh tế trong nước, đặc biệt là ở giai đoạn hiện nay. Tuy vậy, thực tiễn của các nước (và nước ta không là ngoại lệ) cho thấy, nguồn vốn trong nước bao giờ cũng là điều kiện quyết định quy mô, nhịp điệu đầu tư và do vậy cũng quyết định sự tăng trưởng kinh tế nước nhà. Vì thế tìm ra những biện pháp, chính sách hữu hiệu để huy động, sử dụng vốn trong nước có hiệu quả cao nhất là vấn đề quan tâm có ý

Nhưng năm 1993 là năm đạt được mức tăng vốn đầu tư cao nhất so với thời kỳ trước đó cũng chỉ đạt mức huy động trong dân 1 tỷ USD. Và nếu tốc độ huy động vốn vẫn duy trì như vậy, thì nhu cầu 18-20 tỷ USD vốn trong nước đến năm 2000 sẽ khó đạt được.

Vì sao mức huy động vốn đầu tư (cả đầu tư trực tiếp lẫn gián tiếp) trong dân vẫn còn thấp so với tiềm năng, có một số nguyên nhân nổi cộm như:

- Cơ chế thị trường trong nền kinh tế còn hoạt động yếu ớt.

- Rủi ro trong sản xuất kinh doanh khá cao.

- Các nhà đầu tư vẫn chưa tin vào tính không thể đảo ngược của luật pháp và các chính sách hiện hành.

- Mọi vấn đề liên quan đến đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều nhiều khó khăn.

- Hoạt động của hệ thống ngân hàng, tài chính chưa đáp ứng được yêu

TIẾT KIIỆM VÀ TẠO VỐN Ở NƯỚC TA

PTS.ĐINH SƠN HÙNG

hướng đầu tư và sử dụng) là điều kiện, là chìa khóa đối với sự phát triển và luôn luôn là bộ phận cấu thành trong chiến lược và kế hoạch phát triển của mọi quốc gia.

Thực tiễn ở nhiều nước cho thấy rằng muốn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức trung bình, khoảng 6-7%/năm, cần phải duy trì được mức đầu tư từ 15-25% GNP. Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế thần kỳ trong 2-3 thập kỷ gần đây vì họ đều kiên trì thực hiện đầu tư cao, 30-40% so với GDP. Ở nhiều nước, nếu tỷ lệ đầu tư bằng 30% của GDP thì thường đạt được tốc độ tăng trưởng 7-8%/năm. Như vậy để đạt mức tăng trưởng 1% thì tỷ lệ đầu tư phải là 4% của GDP.

Đối với nước ta, một số chuyên gia kinh tế cho rằng muốn tăng GNP lên gấp đôi vào năm 2000 thì cần số vốn đầu tư 35-40 tỷ USD. Nhu cầu về nguồn vốn như vậy không phải là nhỏ. Nhưng khả năng đáp ứng nhu cầu cũng không phải là không có nếu như

nghĩa hàng đầu cho sự phát triển.

Vốn trong nước được hình thành từ những nguồn chính sau đây:

- Vốn từ ngân sách nhà nước. Những năm qua (và dự kiến thời gian tới) nguồn vốn này đáp ứng khoảng 40% nhu cầu vốn đầu tư.

- Vốn các doanh nghiệp, gồm cả doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh (hiện ta có 12.000 doanh nghiệp tư nhân với số vốn 4.000 tỷ đồng, bằng 20% vốn dân cư có; 6.000 doanh nghiệp quốc doanh với số vốn 35.000 tỷ đồng) tạo ra khoảng 10% tổng vốn đầu tư. - Vốn tín dụng hiện chiếm 20% số vốn đầu tư.

- Vốn của các tầng lớp dân cư 30%.

Theo ước tính của một số chuyên viên tài chính thì vốn dưới các dạng trong dân cư ở nước ta khoảng 15-20 tỷ USD. Nếu cộng với 10% tích lũy của GDP (con số năm 1993) dĩ nhiên mức tích lũy sẽ phải tăng lên 25-30% GDP như các nước trong vùng cùng với sự tăng trưởng kinh tế - thì vốn trong nước sẽ đáp ứng được theo yêu cầu.

cầu.

Không có bột lăm sao gột nên hồ. Vì vậy để đẩy nhanh quá trình CNH, HDH kinh tế, nhằm rút ngắn bớt khoảng cách tụt hậu so với thế giới và khu vực, phải có những biện pháp đồng bộ giải tỏa được những ách tắc trong việc huy động và sử dụng vốn.

II. TIẾT KIIỆM ĐỂ TẠO VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN TRONG NƯỚC

1. Tiết kiệm được hiểu đó là khoản chênh lệch giữa tổng số thu và tổng số chi. Như vậy thu và chi là hai vấn đề cấu thành nội dung tiết kiệm.

Trước hết, cần xem xét tiết kiệm của nhà nước, mà chủ yếu là tiết kiệm của ngân sách. Trong số các khoản thu vào ngân sách thì thuế là nguồn thu chủ yếu. Chưa có con số tổng quát cụ thể nhưng có thể nêu vài ví dụ sau để hình dung ra tình hình: 6 tháng đầu năm 1994, tỉnh Cần Thơ đóng nộp thuế khu vực kinh tế quốc doanh mới đạt 38%; cả nước mới có khoảng 50% số hộ kinh doanh ngoài quốc doanh nộp thuế, chủ yếu là thuế khoán và mức

khoản chỉ bằng 50% doanh thu thực tế; thuế đánh bất hải sản mới thu được trên 1/3 sản lượng thực tế, thuế xuất nhập khẩu tiểu ngạch biên giới thất thu 40-50%. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thì tình hình cũng không có gì khá hơn, nghĩa là thất thu thuế cũng khoảng 40-50%.

Như vậy có thể ước đoán rằng thất thu thuế vào ngân sách nhà nước khoảng 40-50%. Nguyên nhân của hiện trạng này thì có nhiều, nhưng nguyên nhân chính có lẽ là từ cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ nhân viên ngành thuế.

Về chi, bao gồm nhiều khoản chi để thực hiện những chương trình, mục tiêu kinh tế, chính trị và xã hội của chính phủ. Nếu như nguồn thu bị thất thoát thì các khoản chi lại bị lãng phí và trong nhiều trường hợp đã không đến được địa chỉ cần đến. Chỉ riêng ngành xây dựng, trong nhiều năm,

doanh nghiệp năm 1993 nộp thuế lợi tức 5 triệu đồng, nhưng chỉ mới giới 417 triệu. Trong 6 tháng đầu năm 1994 đã chỉ tiêu làm luật cho hải quan 824 triệu đồng, gấp 157 lần thuế lợi tức. Nhiều cơ quan trốn thuế cả hàng tỷ đồng như Đông lạnh Hùng Vương, hoặc "phù phép" để biến tài sản nhà nước thành tài sản cá nhân. Thật nghịch lý khi một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất, nhưng cuộc sống của lãnh đạo doanh nghiệp thì cứ phồn vinh lên ngày một nhanh chóng. Quả là không có sự lãng phí nào lớn hơn khi giao vốn của nhà nước vào tay một số người thiếu trách nhiệm đối với công việc, kém về năng lực quản lý nhưng lại tham lam vô độ.

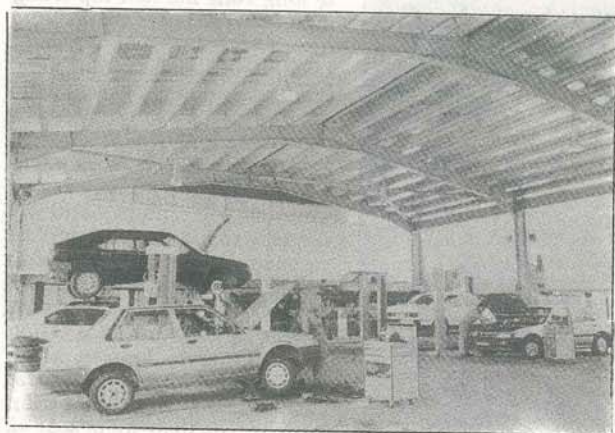
Thứ ba, tiết kiệm của khu vực tư nhân trong nước, bao gồm tiết kiệm của các doanh nghiệp tư và của dân cư.

Tiết kiệm của doanh nghiệp còn lại sau khi

Nền kinh tế thiếu vốn thì những dự án được ưu tiên đầu tư sẽ là các dự án c và d.

Bên cạnh đó, trong cơ chế kinh tế thị trường về cơ bản có hai nhà đầu tư là nhà nước và tư nhân. Để tập trung vốn vào những mục tiêu kinh tế - xã hội, theo chúng tôi nếu lĩnh vực nào, ngành nào (tất nhiên là ngành và lĩnh vực mà luật pháp không cấm) trong nền kinh tế mà tư nhân chịu và muốn đầu tư thì hãy để cho họ làm. Còn lĩnh vực nào cần thiết cho sự phát triển của đất nước mà tư nhân không đầu tư thì nhà nước đảm nhiệm.

3. Giải tỏa cho được những ách tắc trong tâm lý của dân cư để kích thích mạnh mẽ ý chí tăng tiết kiệm, tăng đầu tư mới, quyết tâm làm giàu trong khuôn khổ luật pháp của họ. Làm cho mọi tầng lớp dân cư, mọi nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm tin tưởng vào tính bền vững lâu dài và ổn định của



năm nào thất thoát cũng ở con số vài chục, thậm chí hàng trăm tỷ đồng.

Mặt khác, trong cuộc hội thảo khoa học hồi giữa năm 1994 ở Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại Hà Nội, ông Hoàng Kim Giao đưa ra số liệu và câu hỏi, số dư tiết kiệm 7.500 tỷ, lao động ở Đức gói về 5.000 tỷ, Việt kiều gói về 6.000 đến 7.000 tỷ, cộng đồng người Việt ở SNG và Đông Âu 30-40 triệu USD. Vậy số vốn ấy đi về đâu? Ngoài ra còn buôn lậu, 6 tháng đầu năm 1994, riêng miền nam số tiền buôn lậu lên đến 3.000 tỷ đồng...

Rõ ràng là trong tiếng kêu thiếu vốn thì nền kinh tế cũng cần được trả lời chính xác, minh bạch cho câu hỏi những khoản thu và đóng góp của dân cư được quản lý thế nào, sử dụng ở đâu, nhằm mục đích gì và sử dụng ra sao?

Thứ hai, tiết kiệm của các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh. Xem xét các doanh nghiệp quốc doanh cho thấy, tình trạng giảm doanh số, tăng khấu hao, tiêu cực phí quá cao. Có

nộp thuế và trả lãi.

Tiết kiệm của dân cư là phần thu nhập chưa dùng đến của họ. Phần này nếu lãi suất thực tế dương thì họ sẽ đầu tư gián tiếp. Số liệu ở nhiều nước đang phát triển cho thấy rằng không nên xem tiết kiệm của tư nhân trong nước là nguồn đầu tư thứ yếu so với tiết kiệm của chính phủ và viện trợ. Vì vậy cần có chính sách khuyến khích tiết kiệm của dân cư thông qua việc mở rộng quỹ tiết kiệm tư nhân.

Tóm lại, để khuyến khích tiết kiệm phải giải quyết đồng bộ có hiệu quả mọi hoạt động, cơ cấu tổ chức, cơ chế có liên quan trực tiếp và gián tiếp đến tài chính, ngân hàng, tiền tệ và tâm lý dân cư.

2. Lựa chọn phương án đầu tư

Có thể lựa chọn một trong bốn hướng đầu tư sau:

- Dự án có hệ số vốn cao
- Dự án có hệ số kỹ thuật cao
- Dự án có hệ số sử dụng lao động cao
- Dự án sinh lời nhanh

luật pháp cũng như những chủ trương, chính sách.

4. Nhà nước kiên quyết không gánh nợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các khoản vay tín dụng.

5. Hiện tại ta đang tiến hành cải cách thủ tục hành chính, coi đây là một trong những khâu đột phá quan trọng để tăng tích lũy, huy động vốn đầu tư. Hy vọng công việc này sẽ được thực hiện triệt để và phát sinh hiệu quả thực tiễn.

Tóm lại, các hiện tượng và quá trình kinh tế không tồn tại biệt lập, vì vậy tiết kiệm để tạo vốn và sử dụng vốn đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp kinh tế và phi kinh tế ♣

Tài liệu tham khảo

- M. Gillis, D. Perkins, *Kinh tế học của sự phát triển*
- Cao Anh Khoa, *Thất thu thuế do đâu? Công an TP.HCM*, 21.9.1994,
- Lê Khoa, *Vấn đề huy động vốn quốc nội. Phát triển Kinh tế*, 8.1994